

Bản án số: 45/2018/HS-ST

Ngày 07 – 6 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Hoàng T, sinh ngày 22/3/1991 tại Thành phố C; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 222 Lô C, Chung cư Cô Giang, Phường A, Quận B, Thành phố C; nơi cư trú: 222 Lô C, Chung cư Cô Giang, Phường A, Quận B, Thành phố C; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình Ch (chết) và bà Hoàng Thị Y; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giữ ngày 08/01/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Văn Th; sinh ngày 15/5/1993 tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Vĩnh Linh, xã A, huyện B, tỉnh C; nơi cư trú: Ấp Vĩnh Linh, xã A, huyện B, tỉnh C; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn L và bà Trần Thị Bé B; Có vợ tên là Võ Thị L và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không, bị bắt giữ ngày 08/01/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: 258 đường 3/2, Phường A, Quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/01/2018, bị cáo Huỳnh Văn Th điều khiển xe mô tô biển số 50AB -3773 chở bị cáo Bùi Hoàng T lưu thông trên đường. Khi dừng xe theo tín hiệu đèn đỏ tại giao lộ đường Nguyễn Tri Phương và đường 3/2 thì bị cáo T và bị cáo Th nhìn thấy bà Võ Thị Ngọc H đang dừng xe kế bên trong hộc bên trái của đầu xe có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Huawei. Bị cáo T rủ bị cáo Th cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo Th đồng ý. Sau đó bị cáo Th điều khiển xe mô tô áp sát bên trái của bà H, bị cáo T dùng tay phải giật chiếc điện thoại thì bị lực lượng trình sát Công an Quận 10 bắt giữ và giải giao cho Công an Phường 10, Quận 10. Công an Phường 10, Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, bị cáo Bùi Hoàng T và bị cáo Huỳnh Văn Th khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Huawei. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho bà H. Nhận lại tài sản bà H không có yêu cầu gì khác.

- 01 chiếc xe mô tô biển số 50AB -3773. Qua xác minh biển số 50AB-3773 thì chủ sở hữu là ông Đinh Văn Q, ông Q cho biết hiện đang sử dụng xe và không bị mất cắp, còn xác minh xe mô tô mà bị cáo Th sử dụng thì không có trong cơ sở dữ liệu. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 chuyển vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Bùi Hoàng T và bị cáo Huỳnh Văn Th về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Hoàng T và bị cáo Huỳnh Văn Th từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù và miễn phạt tiền cho hai bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy các bị cáo có hành vi sử dụng xe mô tô phân khối lớn nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của họ ngay trên đường phố; do đó cáo trạng truy tố các bị cáo về tội

“Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn xâm hại đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với hình phạt tương xứng tính chất, mức độ do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra.

[3] Trong vụ án này có đồng phạm nhưng chỉ là thông mưu giản đơn, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ, phân công cụ thể, hai bị cáo tham gia với vị trí vai trò khác nhau, bị cáo T là người là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; đối với bị cáo Th có vai trò cung cấp phương tiện và chở bị cáo T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng đề răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho bị hại, phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự nên khi quyết định hình phạt có xem xét, chiếu cố giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, đồng thời miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô biển số 50AB-3773 có số khung LZSXCHLM200100600, số máy ZS152FMH-8101838, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh dưới 50 cm³, màu sơn Xanh, số loại C50, dung tích xi lanh 49. Qua xác minh, biển số 50AB-3773 cấp cho ông Đinh Văn Q, hiện vẫn đang sử dụng và không bị mất cắp; còn chiếc xe mô tô bị cáo Thế sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì không có trong cơ sở dữ liệu. Xét thấy chiếc xe mô tô có số khung LZSXCHLM200100600, số máy ZS152FMH-8101838, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh dưới 50 cm³, màu sơn Xanh, số loại C50, dung tích xi lanh: 49 lưu hành bất hợp pháp và là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và biển số 50AB-3773 cấm lưu hành nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với chiếc xe mô tô có số khung LZSXCHLM200100600, số máy ZS152FMH-8101838, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh dưới 50 cm³, màu sơn Xanh, số loại C50, dung tích xi lanh 49 và tịch thu tiêu hủy đối với biển số 50AB-3773.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Hoàng T và bị cáo Huỳnh Văn Th;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Hoàng T và bị cáo Huỳnh Văn Th phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng T 03 (ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/01/2018.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Th 03 (ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/01/2018.

- Miễn phạt tiền bổ sung cho các bị cáo.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với chiếc xe mô tô số khung LZSXCHLM200100600, số máy ZS152FMH-8101838, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh dưới 50 cm³, màu sơn Xanh, số loại C50, dung tích xi lanh 49.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 50AB-3773.

- Về trách nhiệm dân sự: Không có gì phải giải quyết.

- Mỗi bị cáo chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM
- VKSND Quận 10;
- Công an Quận 10, PC 35;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thanh Hùng

